TỜ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC

**NHẤT VỊ LINH BIDIPHAR**

***Để xa tầm tay trẻ em***

***Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng***

**1. Thành phần công thức thuốc:**

Cho một viên nang cứng

- Thành phần dược chất:

Cao đặc lá chè dây (*Extractum Foli Ampelopsis spissum*) .....................625 mg

(Tương ứng với dược liệu lá chè dây.......................... 2,2 g)

- Thành phần tá dược: colloidal silicon dioxide (tỷ trọng cao), colloidal silicon dioxid, talc, magnesi stearat, croscarmellose natri ….………………...vừa đủ 1 viên

**2. Dạng bào chế:**

***2.1. Dạng bào chế:***

Viên nang cứng.

***2.2. Mô tả dạng bào chế:***

Viên nang cứng số 0 xanh lá – xanh lá, bên trong chứa bột màu nâu, mùi thơm dược liệu, dễ hút ẩm.

**3. Tác dụng:**

- Giảm tiết acid dịch vị, làm liền sẹo nhanh vết loét dạ dày - hành tá tràng.

- Chống viêm, giảm đau dạ dày.

- Ức chế xoắn khuẩn *Helicobacter Pylori*,một trong những tác nhân gây bệnh viêm loét dạ dày – hành tá tràng.

- Phối hợp với kháng sinh theo phác đồ điều trị được dùng trong các trường hợp viêm loét dạ dày – hành tá tràng có liên quan tới *Helicobacter Pylori*.

- An thần.

**4. Chỉ định:**

- Điều trị viêm loét dạ dày – hành tá tràng do tăng tiết acid dịch vị.

- Dự phòng tái phát viêm loét dạ dày – hành tá tràng bao gồm do tăng tiết acid dịch vị và do *Helicobacter pylori.*

- Phối hợp với kháng sinh theo phác đồ điều trị được dùng trong các trường hợp viêm loét dạ dày – hành tá tràng có liên quan tới *Helicobacter pylori*.

**5. Liều dùng và cách dùng:**

***5.1. Liều dùng:***

Phác đồ điều trị đơn độc

Uống 2 viên/lần × 3 lần/ngày.

Đợt điều trị 30 ngày liên tục.

Phác đồ điều trị làm tăng hiệu lực diệt *Helicobacter Pylori*

Điều trị liên tục trong 30 ngày, kết hợp với kháng sinh:

*10 ngày đầu*

1. Nhất Vị Linh Bidiphar: 2 viên/lần × 3 lần/ngày.

2. Amoxicillin: 1000 mg/lần × 2 lần/ngày. Uống vào buổi sáng và buổi tối

3. Metronidazol 500 mg/lần × 2 lần/ngày. Uống vào buổi sáng và buổi tối

*20 Ngày tiếp theo:*

Nhất Vị Linh Bidiphar 2 viên/lần × 3 lần/ngày.

***5.2. Cách dùng:***

Thuốc dùng đường uống, uống sau bữa ăn.

***5.3. Một số lưu ý đặc biệt về xử lý thuốc trước và sau khi sử dụng***

Không có yêu cầu đặc biệt về xử lý thuốc sau khi sử dụng.

**6. Chống chỉ định**

Mẫn cảm với bất cứ thành phần nào của thuốc.

**7. Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc**

Phụ nữ có thai và cho con bú cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi dùng.

**8. Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú**

Xem mục “Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc”

**9. Tác động của thuốc khi lái xe và vận hành máy**

Không ảnh hưởng.

**10. Tương tác, tương kỵ của thuốc**

***10.1. Tương tác của thuốc***

Chưa có dữ liệu về tương tác thuốc.

***10.2. Tương kỵ của thuốc***

Chưa tìm thấy thông tin về tương kỵ của thuốc

**11. Tác dụng không mong muốn:**

Chưa ghi nhận được báo cáo về phản ứng có hại của thuốc.

*Thông báo ngay cho bác sỹ hoặc dược sỹ những phản ứng có hại găp phải khi sử dụng thuốc.*

**12. Quá liều và cách xử trí:**

Không có dữ liệu về sử dụng thuốc quá liều, không dùng quá liều chỉ định của thuốc.

Trường hợp sử dụng thuốc quá liều cần tích cực theo dõi để có biện pháp xử trí kịp thời. **13. Quy cách đóng gói:**

- Hộp 2 vỉ × 10 viên

- Hộp 6 vỉ ×10 viên.

- Hộp 10 vỉ × 10 viên.

- Hộp 1 lọ × 60 viên.

**14. Điều kiện bảo quản, hạn dùng, tiêu chuẩn chất lượng của thuốc:**

***14.1 Điều kiện bảo quản:*** Nơi khô, nhiệt độ không quá 30 oC, tránh ánh sáng.

***14.2 Hạn dùng:*** 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

***14.3 Tiêu chuẩn chất lượng:*** Tiêu chuẩn cơ sở (TCCS).

**15. Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:**

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)

498 Nguyễn Thái Học, P. Quang Trung, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

ĐT: 0256.3846500 - 3846040 \* Fax: 0256.3846846